

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 04/12/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Văn bản số 2417/SNV-CCHC&VTLT ngày 10/12/2022 (sau khi có ý kiến thống nhất của các cơ quan, đơn vị liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Thành viên BCĐ CCHC tỉnh;
- Báo HT, Đài PT-TH tỉnh;
- PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2023

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục cụ thể hóa các nội dung, triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030¹; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi là Nghị quyết số 12-NQ/TU); Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 04/12/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.

- Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, chất lượng điều hành của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Yêu cầu

- Triển khai công tác CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, mạnh dạn đột phá, triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2023. Trong quá trình triển khai yêu cầu lồng ghép triển khai đồng bộ, thống nhất các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030 gắn với Nghị quyết cấp ủy Đảng, chương trình, kế hoạch, Đề án của chính quyền các cấp về CCHC.

- Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử với lộ trình bước đi phù hợp.

¹Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030.

- Công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, gắn trách nhiệm của người đứng đầu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, là động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2023.

- Các sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

- Bố trí đủ nguồn lực và có các giải pháp triển khai cụ thể để đảm bảo tính thực tiễn, khả thi của kế hoạch.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Chỉ đạo điều hành CCHC

1.1. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành; tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng các nội dung, nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC của tỉnh; 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã ban hành kế hoạch CCHC năm 2023.

1.2. Phân đầu tiếp tục duy trì, cải thiện, nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX) và các chỉ số có liên quan: Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) phân đầu nằm trong nhóm 20 tỉnh thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) phân đầu nằm trong nhóm 35 tỉnh, thành phố thực hiện tốt của cả nước.

1.3. Phân đầu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương.

1.4. Tối thiểu 35% cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm 2023; 100% các đơn vị, địa phương ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra CCHC các đơn vị trực thuộc, đảm bảo thực chất và đúng quy định.

2. Cải cách thể chế

2.1. Phân đầu từ 80% trở lên nội dung tại các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng.

2.2. Phân đầu từ 90% trở lên văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo kết quả rà soát;

2.3. Phân đầu từ 80% văn bản QPPL trở lên của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

3. Cải cách thủ tục hành chính

3.1. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 70%, 60%, 55% số hồ sơ tiếp nhận của cấp tỉnh, huyện, xã.

3.2. 100% TTHC đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ công (DVC) trực tuyến toàn trình, trong đó tối thiểu 80% DVC trực tuyến được cập nhật lên cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính và công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia; 80% DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến; 60% hồ sơ TTHC thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tiếp nhận và thụ lý trực tuyến.

3.3. Tối thiểu 70% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

3.4. 100% quyết định công bố Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC được xây dựng, soát xét, thẩm định công bố, công khai kịp thời theo đúng quy định pháp luật hiện hành. 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai về Danh mục và Quy trình nội bộ.

3.5. Tối thiểu 50% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 40% trở lên.

3.6. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 85% trở lên.

3.7. Tổ chức đối thoại/diễn đàn của lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp (phần đầu ít nhất từ 02 đến 03 cuộc trong năm).

4. Cải cách tổ chức bộ máy

4.1. Hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp đối với 100% đơn vị sự nghiệp công lập có phương án sắp xếp, kiện toàn theo Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Phần đầu năm 2023 giảm 1,2% biên chế công chức (28 biên chế công chức); giảm 2% biên chế viên chức (531 biên chế viên chức) so với năm 2022.

5. Cải cách chế độ công vụ

5.1. 85% cán bộ, công chức, viên chức được bố trí công việc theo đúng tiêu chuẩn chức danh, phù hợp với vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm đảm nhiệm.

5.2. Phần đầu 6% cán bộ, công chức dưới 40 tuổi (gồm: lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp huyện) giao tiếp được với người nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ thông dụng khác; 85% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền).

6. Cải cách tài chính công

6.1. Giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3.

6.2. 100% cơ quan hành chính nhà nước được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

6.3. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

6.4. Có ít nhất 02 đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn tự chủ mới có tăng mức độ tự chủ so với giai đoạn tự chủ liền kề; tỷ lệ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý đạt trên 80%.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

7.1. 100% cơ quan nhà nước các cấp kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; 100% hệ thống cơ sở dữ liệu mới xây dựng của các sở, ban, ngành, địa phương, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây.

7.2. Triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia.

7.3. 100% sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện tạo lập và quản lý hồ sơ điện tử, trong đó tỷ lệ hồ sơ điện tử đạt tương ứng các cấp là 70% - 60% - 40% (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

7.4. 80% báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia.

7.5. 100% cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, ứng dụng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình Chính phủ.

7.6. Từng bước thực hiện hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

7.7. Tối thiểu 73% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

7.8. 100% cơ quan, đơn vị duy trì, cải tiến hệ thống tại các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015; 15% đơn vị sự nghiệp cấp huyện, 62,5 % trường Trung học phổ thông công lập, 45% trường THCS công lập hoàn thành xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng năm 2023; xây dựng quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan HCNN cấp tỉnh, huyện đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015, điện tử hóa 30% số quy trình đã xây dựng; thí điểm xây dựng và áp dụng hệ thống ISO điện tử tại 05 cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng mở rộng hệ thống quản lý chất lượng tại 25% UBND xã đạt chuẩn nông thôn mới .

8. Tác động CCHC đến sự phát triển kinh tế - xã hội

8.1. Thu hút khoảng 35.000 tỷ đồng vốn đăng ký đầu tư mới.

8.2. Phần đầu đạt chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn và chỉ tiêu thành lập mới doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

8.3. Tỷ lệ doanh nghiệp phát sinh thực hiện đăng ký kê khai thuế qua mạng và đăng ký nộp thuế điện tử đạt 100%; tỷ lệ doanh nghiệp nộp tiền thuế điện tử (doanh nghiệp nộp thuế bằng phương thức điện tử/DN nộp tiền) đạt từ

95% trở lên.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUNG

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Tiếp tục chỉ đạo đồng bộ, hiệu quả, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, xác định rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước tỉnh giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết 12-NQ/TU và Đề án của UBND tỉnh một cách đồng bộ, hiệu quả; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong CCHC gắn với tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra CCHC.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, duy trì đánh giá, xếp loại đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong CCHC. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác CCHC.

- Tăng cường công tác đối thoại của người đứng đầu các cấp với người dân, doanh nghiệp theo quy định.

- Thông tin, tuyên truyền, quán triệt thực hiện các văn bản của các cấp về CCHC dưới nhiều hình thức, thông qua các cuộc họp giao ban, trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; nâng cao vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí trong việc thông tin, tuyên truyền CCHC; tổ chức tuyên truyền qua các hoạt động tập huấn, tọa đàm, tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về CCHC.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, trang bị các kiến thức, kinh nghiệm về CCHC; giới thiệu, mạnh dạn áp dụng các mô hình mới, sáng kiến, cách làm hay trong CCHC vào thực tiễn.

- Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC; tiếp tục nghiên cứu, ban hành mới Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hằng năm của các sở, ban, ngành; cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã đảm bảo đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thực tiễn theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2030”. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định chỉ số CCHC theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức khảo sát, đánh giá.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát, điều tra xã hội học để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tốt công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất về công tác CCHC; tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Cải cách thể chế

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính, chế độ công vụ đầy đủ, đồng bộ trên cơ sở Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức và các quy định pháp luật có liên quan.

- Ban hành Đề án hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của địa phương; thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; đảm bảo các văn bản QPPL được xây dựng và ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định.

- Kịp thời ban hành các văn bản QPPL đề quy định chi tiết các nội dung được giao tại các văn bản QPPL của Trung ương.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình pháp luật hàng năm; kịp thời kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL, đặc biệt tập trung vào việc rà soát các văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành đảm bảo các quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản QPPL của Trung ương.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa để nâng cao hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật; tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

- Tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh kỳ 2019-2023.

- Tăng cường hiệu quả việc thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng Chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (gọi tắt là chỉ số B1). Trong đó, tạo sự liên thông giữa hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật với hoạt động tổ chức thực thi pháp luật. Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao thường xuyên, kịp thời rà soát, nắm bắt, tổng hợp các quy định của pháp luật có nội dung chưa rõ, khó hiểu, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc thiếu khả thi, đồng thời, rà soát tổng hợp các quy định pháp luật không rõ ràng, thiếu tính minh bạch, khó tuân thủ, bất hợp lý để đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ. Tiếp tục rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh, phí, lệ phí và các văn bản QPPL có quy định về TTHC theo hướng đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện các văn bản² liên quan về cải cách TTHC; trọng tâm triển khai Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

- Tập trung rà soát, đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa cơ các quan hành chính nhà nước không liên quan đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện TTHC nội bộ giữa cơ các quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. Tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) được giải quyết đúng quy định theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được kiểm soát chặt chẽ qua Cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (trừ các TTHC đặc thù hoặc được UBND tỉnh cho phép thực hiện tại cơ quan, đơn vị). Đảm bảo Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoạt động ổn định, hiệu quả và kết nối với Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Rà soát, bổ sung, nâng cấp hoàn thiện một số chức năng hỗ trợ trong giao dịch trên Cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đảm bảo thuận tiện, dễ sử dụng cho người dân, doanh nghiệp khi khai thác, sử dụng; là công cụ giám sát, quản lý chất lượng giải quyết TTHC của công chức, cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện kiểm soát trách nhiệm giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC; giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn giải quyết nhất là ở cấp huyện và cấp xã; nghiêm túc thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC.

²Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh một cách quyết liệt, có hiệu quả

- Thực hiện nghiêm túc việc thanh toán trực tuyến về các TTTC cho cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia nhất là thanh toán trực tuyến các thủ tục đất đai, thu lệ phí trước bạ...

- Phát huy vai trò các thành viên Tổ công tác theo Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh trong việc thực hiện kiểm tra hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Công điện số 209/CD-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành quy định, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định và thực tiễn yêu cầu nhiệm vụ tại địa phương, trong đó chú trọng sắp xếp lại hệ thống cơ sở y tế, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, văn hóa, thể thao và du lịch... đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tập trung sắp xếp cơ cấu bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập; giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Phê duyệt Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm giảm tỷ lệ và nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công: rà soát, đánh giá cụ thể khả năng tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập để xây dựng phương án, lộ trình chuyển dần mức độ tự chủ, giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nhằm phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng đơn vị, địa phương.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức để chủ động sắp xếp, tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý, bố trí sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí số lượng cấp trưởng, cấp phó tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh bảo đảm đúng quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, cải tiến quy trình, quy chế làm việc, loại bỏ các khâu trung gian để tổ chức, sắp xếp lại bộ máy đảm bảo tinh gọn.

- Triển khai theo lộ trình thực hiện Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn, chức danh theo quy định; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Kết luận số 29-KL/TU ngày 22/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh, Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Tiếp tục đổi mới hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo thiết thực, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- Tổ chức sắp xếp, bố trí công chức theo vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; hoàn chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và quản lý biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục đổi mới công tác đánh giá cán bộ công chức, viên chức ngày càng thực chất, hiệu quả; triển khai thực hiện Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026; thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; rà soát, quy định rõ chức năng,

nhệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức một cách chủ động, nhanh chóng.

6. Cải cách tài chính công

- Tăng cường các biện pháp để giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo quy định, thực hiện các nhiệm vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện việc mua sắm, xây dựng đúng tiêu chuẩn, định mức theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

- Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

7.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị

- Tập trung các giải pháp phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu của các ngành, các cấp; từng bước kết nối liên thông, hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; hình thành cơ sở dữ liệu mở theo quy định³. Triển khai thử nghiệm Cổng dữ liệu dùng chung của tỉnh (data.hatinh.gov.vn); hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II toàn tỉnh và nâng cấp đồng bộ hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối 4 cấp.

- Xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu được ban hành thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; thực hiện kết nối và chia sẻ dữ liệu theo quy định hiện hành; rà soát các cơ sở dữ liệu đảm bảo phù hợp với quy định về các cơ sở dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành; cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của

³Theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp một lần khai báo được sử dụng trọn đời, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

tỉnh.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo quy định⁴. Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dùng chung cấp tỉnh (LGSP), kết nối liên thông với nền tảng tích hợp và chia sẻ quốc gia (NGSP), bảo đảm đồng bộ các hệ thống dữ liệu quốc gia được đưa vào khai thác sử dụng. Từng bước kết nối các hệ thống CSDL của các sở, ban, ngành đã có vào nền tảng LGSP của tỉnh.

- Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số đồng bộ trong cấp ủy, chính quyền các cấp, bao gồm số hóa hồ sơ, văn bản, tài liệu, mọi quy trình nghiệp vụ và giao dịch giữa các cơ quan, tổ chức và giữa các cơ quan, tổ chức với người dân, doanh nghiệp. Thực hiện các chế độ báo cáo (báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội...), giám sát tiến độ công việc, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của tỉnh được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia. Đẩy mạnh triển khai ứng dụng các nền tảng công nghệ số quốc gia được các Bộ, ngành, UBND tỉnh công bố. Ứng dụng các giải pháp hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt, hoá đơn điện tử, chữ ký số công cộng...

- Đầu tư bổ sung trang thiết bị chuyên dùng, nâng cao năng lực Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh và Cơ quan thường trực Đội ứng cứu. Triển khai thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025”. Tiếp tục thực thi xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; bổ sung trang thiết bị, quy trình, nghiệp vụ đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin cấp độ 3 của tỉnh.

- Thực hiện các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống tập trung. Duy trì, mở rộng phạm vi, quy mô trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với các đơn vị của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số, chính quyền số, đô thị thông minh và an toàn thông tin mạng cho giám đốc công nghệ thông tin (CIO) và đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin (CNTT), ở các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã để đáp ứng yêu cầu và điều kiện thực tế về triển khai ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số. Tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn chuyên sâu về an toàn thông tin, ứng cứu sự cố an ninh mạng cho cán bộ chuyên trách CNTT cấp tỉnh, cấp huyện. Đào tạo chuyên sâu về chuyển đổi số cho CIO và cán bộ chuyên trách CNTT. Tổ chức tuyên truyền đến người dân thuộc mọi thành phần kinh tế về chuyển đổi số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, từ đó tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh. Triển khai thực hiện

⁴ Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để phát huy các chỉ số thành phần, các chỉ tiêu của Bộ Chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) đạt kết quả tốt, khắc phục các chỉ số thành phần, chỉ tiêu còn xếp hạng thấp, hoặc giảm thứ hạng để kết quả Chỉ số DTI năm 2023 tăng điểm số và tăng hạng so với năm 2022.

7.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị

- Tiếp tục tổ chức duy trì, cải tiến có hiệu quả việc áp dụng HTQLCL tại các cơ quan đơn vị đã xây dựng và áp dụng đảm bảo yêu cầu TCVN ISO 9001:2015.

- Triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại 13 Trung tâm Ứng dụng khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng vật nuôi cấp huyện; 25 trường Trung học phổ thông công lập; 66 trường Trung học cơ sở công lập.

- Xây dựng mở rộng hệ thống quản lý chất lượng tại 25% UBND xã đạt chuẩn nông thôn mới; thí điểm áp dụng ISO điện tử tại 05 cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện.

- Xây dựng quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện; thực hiện điện tử hóa các quy trình đã xây dựng.

- Soát xét, thẩm định danh mục và quy trình nội bộ theo các quy định của pháp luật hiện hành trước, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa quá trình xử lý công việc, đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hàng năm đối với việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị; phối hợp lồng ghép các cuộc kiểm tra cải cách hành chính để đánh giá chất lượng hệ thống.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động xây dựng và áp dụng HTQLCL ISO 9001:2015 trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước. Tổ chức đào tạo nghiệp vụ về ISO hành chính cho cán bộ, công chức tại các cơ quan đã xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015.

- Quan tâm, bố trí nguồn kinh phí hợp lý theo quy định phục vụ cho việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015.

8. Tác động cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội

8.1. Mức độ thu hút đầu tư

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp của quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức Hội nghị công bố quy hoạch tỉnh kết hợp với xúc tiến đầu tư; tiếp tục cập nhật, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh để tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia theo quy định; rà soát bãi bỏ, điều chỉnh, bổ

sung, lập mới các quy hoạch phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch quốc gia.

- Thường xuyên cập nhật các định hướng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực trên địa bàn của địa phương; các thông tin về tiềm năng, thế mạnh, định hướng thu hút đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư, công tác đối ngoại, các thông tin chuyên đề về các ngành, lĩnh vực ưu tiên kêu gọi đầu tư trên các kênh thông tin điện tử của tỉnh và địa phương.

- Thực hiện đồng bộ giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, phát huy hiệu quả Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và các địa phương (DDCI), góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); có giải pháp cụ thể để tiếp tục duy trì, nâng cao chỉ số PCI hằng năm. Tiếp tục rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; tạo môi trường bình đẳng, thuận lợi đối với các nhà đầu tư

- Vận hành có hiệu quả trang thông tin điện tử về pháp luật, chính sách thủ tục đầu tư, môi trường, tiềm năng cơ hội đầu tư. Thường xuyên kết nối, tổng hợp tình hình triển khai dự án, hoạt động sản xuất, kinh doanh, những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; điều hành quản trị tốt diễn đàn "*Doanh nghiệp hỏi - Cơ quan Nhà nước trả lời*".

- Tập trung xử lý các điểm nghẽn, nút thắt về đất đai, thủ tục hành chính để đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án trọng điểm đã được Tỉnh ủy đồng ý chủ trương; các dự án lớn có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

8.2. Tỷ lệ Doanh nghiệp thành lập mới trong năm

- Tiếp tục tăng cường trách nhiệm và hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trong giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; nâng cao trình độ, năng lực công tác, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; xử lý nghiêm những đơn vị, cán bộ, công chức gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp.

- Thường xuyên rà soát các cơ chế, chính sách đã ban hành liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp đang còn hiệu lực để đề xuất cấp có thẩm quyền dừng thực hiện và bãi bỏ các chính sách không còn phù hợp; sửa đổi, tích hợp, ban hành các chính sách mới để thực hiện đảm bảo thống nhất, đồng bộ, thiết thực, phù hợp với thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

- Thực hiện tốt cơ chế chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khi thành lập mới, chuyển đổi từ hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018; Nghị quyết số 216/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh.

- Tích cực tạo điều kiện tối đa tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Cung cấp miễn phí các tờ gấp, cẩm nang hướng dẫn quy trình thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đẩy mạnh đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trên "*Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*" và tư vấn,

hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn hình thức đầu tư, thủ tục đầu tư, địa bàn đầu tư...

- Hỗ trợ miễn phí về tư vấn pháp luật, cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật tại các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh. Công khai thông tin về các đơn vị tư vấn, văn phòng luật sư có nguyện vọng tư vấn, hỗ trợ pháp lý miễn phí cho tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh về thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp.

8.3. Thu ngân sách của tỉnh

- Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp thu ngân sách ngay từ đầu năm. Thực hiện tốt chính sách thuế trong thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp. Chỉ đạo quản lý, khai thác nguồn thu và chống thất thu ngân sách hiệu quả; phấn đấu đạt mức cao nhất dự toán thu ngân sách.

- Tiếp tục làm tốt công tác quản lý đăng ký thuế, giám sát hồ sơ khai thuế; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định công tác hoàn thuế điện tử, hệ thống hóa đơn điện tử theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế; đẩy mạnh chống chuyển giá, trốn thuế. Thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các biện pháp thu hồi nợ đọng thuế.

- Tăng tỷ lệ nhận - xử lý - trả hồ sơ, TTHC điện tử trực tuyến; làm tốt công tác tuyên truyền hỗ trợ chính sách pháp luật thuế, tuyên truyền CCHC thuế; quản trị, vận hành và khai thác hệ thống mạng, hạ tầng truyền thông và các ứng dụng đảm bảo hiệu quả, chất lượng, bảo mật và an toàn dữ liệu theo quy định.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, sản phẩm, phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian cụ thể thực hiện theo **Phụ lục** (gửi kèm)

V. KINH PHÍ

UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2023 trong dự toán ngân sách hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định. Đối với các nhiệm vụ được phê duyệt theo Đề án, Kế hoạch, Dự án thực hiện theo kinh phí của Đề án, Kế hoạch, Dự án được phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh

- Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò các thành viên Ban Chỉ đạo được giao chủ trì thực hiện các lĩnh vực/nội dung của tỉnh⁵ về cải cách hành chính như: Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài chính... chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn

⁵Chỉ đạo điều hành CCHC, cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

độc, kiểm tra việc triển khai các nội dung được giao chủ trì theo Kế hoạch này và theo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh chỉ đạo quyết liệt thúc đẩy công tác CCHC; quan tâm bố trí nhân lực, tài chính, thời gian và các nguồn lực cần thiết; chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời, thường xuyên, liên tục các vấn đề đặt ra từ thực tiễn, giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong triển khai các nội dung, nhiệm vụ CCHC, đồng thời có kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm để làm tốt hơn trong từng tháng, quý và năm.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã

2.1. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được xác định tại Kế hoạch này, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; chủ động xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2023 của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 12-NQ/TU, Đề án triển khai của UBND tỉnh phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời tập trung chỉ đạo, quán triệt, tổ chức triển khai, kiểm tra thực hiện đạt hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

Kế hoạch CCHC năm 2023 của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi chung; Kế hoạch CCHC năm 2023 của UBND cấp xã báo cáo về UBND cấp huyện tổng hợp, theo dõi.

2.2. Thực hiện nghiêm quy định tại Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh về thực hiện cải cách hành chính; tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành công tác CCHC bằng những việc làm cụ thể, có tính đột phá để đạt hiệu quả thực chất. Ngoài các nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, mạnh dạn đề xuất thực hiện hoặc thí điểm thực hiện những mô hình, giải pháp, sáng kiến hiệu quả, có tính khả thi và có sự đồng thuận cao từ phía tổ chức, người dân để tạo sự đột phá trong công tác CCHC.

Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện từng nội dung CCHC nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính

2.3. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội thúc đẩy CCHC, nhất là TTHC; rà soát, đơn giản hóa, cập nhật, công khai và hướng dẫn kịp thời, đầy đủ các TTHC, các văn bản quy định về TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan, đơn vị tại trụ sở làm việc, trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

2.4. Thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bằng các hình thức phù hợp, thuận tiện cho người dân, tổ chức và đảm bảo thực chất, hiệu quả. Định kỳ hàng quý có báo cáo kết quả lấy ý kiến đánh giá phục vụ công tác chỉ đạo điều hành CCHC của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2.5. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến giao tiếp, văn hóa ứng xử, quyền và nghĩa vụ của công chức, viên chức, kỷ luật, kỷ cương hành chính, ưu tiên bồi dưỡng đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức tiếp dân, thực hiện TTHC, giải quyết công việc liên quan đến người dân, tổ chức tại các lĩnh vực đất đai, xây dựng, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, y tế, bảo hiểm xã hội... nội dung của Chỉ số PARINDEX, SIPAS đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý.

2.6. Tổ chức hội nghị đối thoại với người dân, tổ chức và doanh nghiệp về các vấn đề có liên quan tới giải quyết công việc của người dân, tổ chức và doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị theo quy định.

2.7. Triển khai việc đánh giá kết quả công tác CCHC qua xác định Chỉ số CCHC hằng năm đối với cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo thực chất, khách quan, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ CCHC; thực hiện sơ kết, tổng kết công tác CCHC theo quy định.

3. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

- Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2023 theo hướng dẫn của ngành và Kế hoạch của UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ và gửi kế hoạch CCHC năm 2023 về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

- Chủ động triển khai có hiệu quả các nội dung CCHC của ngành, đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách các thủ tục hành chính có liên quan, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ công dân và tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực thực hiện công tác tuyên truyền về CCHC; mở rộng các hình thức tuyên truyền về công tác CCHC tại cơ quan, ngành mình.

4. Sở Nội vụ

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, triển khai kế hoạch này và chủ trì tham mưu tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính theo kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh; chủ trì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung CCHC của tỉnh để tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ CCHC có chất lượng, hiệu quả.

- Tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh trong việc tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch.

5. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ số liệu thủ tục hành chính thực hiện “tiếp nhận và trả kết quả” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Thực hiện tiếp nhận, hướng dẫn, theo dõi và giải quyết hồ sơ, TTHC của tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền được giao tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Giám sát cán bộ, công chức được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Tăng cường các hình thức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức giải quyết TTHC.

6. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC trên báo, đài, báo điện tử; tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng, có trọng tâm, trọng điểm, bằng nhiều hình thức nhất là thông tin, tuyên truyền về các mô hình hay, cách làm tốt, cũng như các tồn tại, hạn chế và góp ý, hiến kế cho các cấp chính quyền làm tốt hơn công tác này. Đồng thời nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác CCHC; giúp người dân, doanh nghiệp được tiếp cận để hiểu rõ hơn về các nội dung công tác CCHC.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh

- Tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia vào các khâu, lĩnh vực trong tiến trình CCHC; nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để phản ánh với cấp ủy, chính quyền góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện CCHC nhà nước các cấp; vận động người dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông, báo chí giám sát việc thực hiện CCHC góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện triển khai Kế hoạch này một cách kịp thời, hiệu quả; báo cáo kết quả thực hiện theo chế độ báo cáo định kỳ công tác CCHC về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ); Sở Nội vụ tổng hợp kết quả triển khai thực hiện báo cáo Bộ Nội vụ, UBND tỉnh theo quy định. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC
KHUNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM NĂM 2023
(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC							
1	1.1. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành; tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng các nội dung, nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC của tỉnh	2.1. Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh	3.1. Xây dựng dự thảo văn bản đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ 3.2 Tổng hợp và xin ý kiến dự thảo lần 2 3.3. Tổng hợp, hoàn thiện trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành	Văn bản và các dự thảo kèm theo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan khác	Trước 25/12/2022	
		2.2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch CCHC năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương	3.4. Ban hành hướng dẫn	Công văn	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Trước 25/12/2022	
		2.3. Ban hành quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh	3.5. Văn bản xin ý kiến đối với dự thảo; 3.6. Tổng hợp và trình Trưởng ban ký duyệt	Công văn, Quyết định	Sở Nội vụ	Thành viên BCĐ CCHC tỉnh	Quý 1/2023	
		2.4. Chỉ thị đẩy mạnh chương trình tổng thể CCHC Nhà nước	3.7. Dự thảo Chỉ thị và văn bản xin ý kiến	Công văn, Dự thảo, Chỉ thị	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Năm 2023	
			3.8. Tổng hợp, trình ban hành	Công văn, dự thảo Chỉ thị				
	2.5. Xây dựng, ban	3.9. Xây dựng dự thảo,	Kế hoạch	Sở Thông	Các sở, ban	Tháng	Theo	

		hành kế hoạch tuyên truyền CCHC và các chỉ số liên quan năm 2023	trình ban hành kế hoạch		tin và Truyền thông	ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã	01/2023	dự toán được cấp
			3.10. Tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền	Các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú			Thường xuyên	
		2.6. Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết	3.11. Các văn bản triển khai các hội nghị	Công văn, báo cáo, giấy mời, thông báo kết luận	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Năm 2023	Theo dự toán được cấp
2	1.2. Duy trì, cải thiện, nâng cao thứ hạng chỉ số CCHC của tỉnh và các chỉ số liên quan	2.7. Triển khai xác định chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2022 theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ	3.12. Văn bản chỉ đạo triển khai xác định chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2022 3.13. Công văn, hướng dẫn, Báo cáo tự đánh giá chấm điểm chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2022	- Công văn - Báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh	Theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ	Theo dự toán được cấp
		2.8. Ban hành, triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS	3.14. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên	Sau khi các cơ quan liên quan công bố chỉ số PAPI, Bộ Nội vụ công	Theo dự toán được cấp

			3.15. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế của các chỉ số			quan	bổ chỉ số CCHC tỉnh năm 2022	
		2.9. Triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số PCI	3.16. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số PCI 3.17. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại hạn chế của các chỉ số	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Sau khi các cơ quan liên quan công bố chỉ số PCI năm 2022	
		2.10. Triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số DTI	3.18. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số DTI 3.19. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại hạn chế của các chỉ số	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chỉ số DTI năm 2022	
3	1.3. Phân đầu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương	2.11. Giới thiệu các mô hình, sáng kiến áp dụng và nhân rộng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương	3.20. Tập hợp, rà soát các sáng kiến, mô hình hay, hiệu quả giới thiệu cho các cơ quan, đơn vị, địa phương	- Văn bản rà soát, giới thiệu - Tóm tắt giới thiệu các mô hình, sáng kiến	Sở Nội vụ chủ trì đối với nhân rộng mô hình hay; Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì đối với áp dụng các sáng kiến CCHC	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên	Theo ngân sách được cấp
		2.12. Nghiên cứu, đề	3.21. Viết sáng kiến,	Các sáng	Các cơ quan	Cơ quan,	Thường	

		xuất sáng kiến mới (giải pháp mới) về CCHC	đánh giá hiệu quả và áp dụng vào thực tiễn	kiến, giải pháp	chủ trì các lĩnh vực CCHC tỉnh; cơ quan, đơn vị, địa phương	đơn vị liên quan	xuyên	
4	1.4. Tối thiểu 35% cơ quan đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm 2023	2.13. Tổ chức kiểm tra CCHC (gắn với kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU và Đề án UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TU)	3.22. Ban hành Kế hoạch Kiểm tra CCHC 3.23. Thông báo lịch kiểm tra và tiến hành kiểm tra tại các đơn vị, địa phương 3.24. Biên bản kiểm tra các đơn vị, địa phương 3.25. Báo cáo kết quả kiểm tra 3.26. Ban hành Văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra	Kế hoạch, Công văn, Báo cáo kết quả kiểm tra, Biên bản kiểm tra tại các đơn vị, địa phương, Văn bản chỉ đạo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các đơn vị được kiểm tra	Quý II, III/2023	Theo dự toán được cấp
		2.14. Kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ	3.27. Thông báo kiểm tra	Biên bản kiểm tra, báo cáo, văn bản chỉ đạo	Sở Nội vụ, Thành viên Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2023	
5	1.6. Đổi mới phương pháp, cách thức công tác thẩm định, đánh giá CCHC	2.15. Thực hiện thẩm định chỉ số CCHC các cơ quan, đơn vị, địa phương	3.28. Thông báo lịch thẩm định; tiến hành thẩm định; họp hội đồng thẩm định cấp tỉnh và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả	Thông báo, Công văn, Quyết định, kế hoạch	Sở Nội vụ, Đoàn Kiểm tra, HĐTĐ CCHC tỉnh;	các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo kế hoạch thẩm định hằng năm	
		2.16. Xây dựng Bộ chỉ số đánh giá, xác định	3.29. Hoàn thành nâng cấp phần mềm hỗ trợ	Phần mềm hỗ trợ công tác	Sở Nội vụ, Sở Thông	Các sở, ban ngành cấp	Quý I-II/2023	Theo dự toán

		chỉ số CCHC của tỉnh đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh	đánh giá xác định Chỉ số CCHC; triển khai tập huấn về sử dụng, quản lý phần mềm trong hỗ trợ theo dõi, đánh giá, thẩm định CCHC	đánh giá, xác định Chỉ số CCHC của tỉnh; báo cáo tập huấn	tin và Truyền thông	tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã		được cấp
			3.30. Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá chỉ số CCHC đảm bảo thống nhất, phù hợp thực tiễn, theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Quyết định	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Quý III/2023	Theo dự toán được cấp
		2.17. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra xã hội học xác định chỉ số CCHC	3.31. Rà soát, đánh giá, nghiên cứu, học tập một số mô hình và đề xuất giải pháp phù hợp	Văn bản triển khai	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, liên quan	Năm 2023	
6	1.8. Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trong tham mưu, triển khai CCHC	2.18. Triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2022-2030 theo kế hoạch của Bộ Nội vụ	3.32. Văn bản triển khai	Công văn, Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Theo kế hoạch, hướng dẫn Bộ Nội vụ	Theo dự toán được cấp
		2.19. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng về CCHC cho cán bộ, công chức	3.33. Các lớp tập huấn, bồi dưỡng	Công văn (kế hoạch), Giấy mời, giáo án, bài giảng	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2023	Theo dự toán được cấp

II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
1	1.1. Phần đầu từ 80% trở lên nội dung tại các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng	2.1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quy định chi tiết các nội dung được giao tại văn bản pháp luật của Trung ương	3.1. Rà soát và lập danh mục nội dung giao quy định chi tiết tại các văn bản QPPL của Trung ương	Danh mục	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Thường xuyên	
			3.2. Xây dựng các dự thảo văn bản	Các văn bản QPPL	Sở, ban, ngành có liên quan	Sở Tư pháp	Thường xuyên	
2	1.2. Tối thiểu 90% trở lên văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo kết quả rà soát	2.2. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật	3.3. Thực hiện nghiêm túc quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo, công văn	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý I/2023	
			3.4. Hướng dẫn nghiệp vụ chuyên sâu nâng cao kỹ năng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Hội nghị tập huấn hoặc Công văn hướng dẫn	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý II/2023	
			3.5. Tăng cường công tác kiểm tra văn bản QPPL	Văn bản hướng dẫn; Báo cáo kết quả kiểm tra	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
3	1.3. Phần đầu từ 80% văn bản QPPL trở lên của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.	2.3. Kiểm tra công tác TDTHPL và tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh	3.6. Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành	- Thành lập đoàn kiểm tra - Thực hiện kiểm tra tại các cơ quan đơn vị, địa phương	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý IV/2023	

4	1.4. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương	2.4. Đề án hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương	3.7. Xây dựng dự thảo	Đề án	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý IV/2023	
III CẢI CÁCH TTHC VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG								
1	1.1. Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh	2.1. Xây dựng dự thảo ban hành Quy chế	3.1. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan; xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh; trình UBND tỉnh ban hành.	Quyết định kèm theo Quy chế	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý I/2023	
2	1.2. Thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC	2.2. Xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND hoặc Quyết định UBND có quy định TTHC	3.2. Triển khai đánh giá tác động, tính toán chi phí tuân thủ TTHC; lấy ý kiến Văn phòng UBND tỉnh về TTHC.	Biểu mẫu đánh giá tác động TTHC, Văn bản cho ý kiến về TTHC	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
3	1.3. 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai về Danh mục và Quy trình nội bộ.	2.3. Thống kê, rà soát TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước. Xây dựng Kế hoạch rà soát TTHC nội bộ trong các cơ quan, đơn vị;	3.3. Tiến hành triển khai rà soát và cắt giảm quy định liên quan đến TTHC; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Biểu mẫu rà soát, báo cáo đơn giản hóa TTHC, Quyết định phê duyệt	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Quý I, II năm 2023	
4	1.4. Công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung,	2.4. Xây dựng dự thảo Quyết định công bố	3.4. Lấy ý kiến Sở KH&CN; trình UBND	Quyết định công bố TTHC	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND	Thường xuyên	

	thay thế, bãi bỏ sau khi Bộ, ngành công bố TTHC liên quan		tỉnh; cập nhật, đăng tải TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng bộ về Cổng DVC của tỉnh.			tỉnh, Sở KH&CN		
5	1.5. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 70%, 60%, 55% số hồ sơ tiếp nhận của cấp tỉnh, huyện, xã	2.5. Nâng cao tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	3.5. Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp 3.6. Theo dõi, cập nhật tình hình và tổ chức thực hiện kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Tỷ lệ số hóa theo quy định	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
6	1.6. Tiếp tục hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia còn lại, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ cho việc cắt giảm, đơn giản hoá hồ sơ giấy tờ công dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC tại BPMC các cấp	2.6. Thực hiện kết nối chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các phần mềm, cổng thông tin và Cổng DVC	3.7. Nâng cấp phần mềm dịch vụ công của tỉnh đáp ứng yêu cầu 3.8. Nâng cấp phần mềm hồ sơ công việc, kết nối liên thông với phần mềm dịch vụ công đáp ứng yêu cầu 3.9. Triển khai các giải pháp kỹ thuật để đáp ứng chia sẻ dữ liệu	Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia để đồng bộ về Cổng dịch vụ công của tỉnh và các phần mềm chuyên ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Cơ quan TW đóng trên địa bàn	Tháng 3 đến tháng 10 năm 2023	
7	1.7. Giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh	2.7. Thời gian chờ đợi trung bình của 1 lượt	3.10. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các công	Có hệ thống phần mềm tự động đo	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp	- Thường xuyên. - Đánh giá	

	ngành xuống trung bình còn tối đa 25 phút/1 lượt giao dịch	giao dịch dưới 25 phút.	chức, viên chức ở BPMC các cấp để hướng dẫn tốt người dân, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ; tự nâng cao tay nghề để tiếp nhận hồ sơ nhanh chóng, đầy đủ, chính xác 3.11. Xây dựng bộ công cụ kiểm đếm thời gian chờ đợi của người dân, tổ chức	lượng và đánh giá thời gian tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa cấp tỉnh		tỉnh	bảng phân mềm từ tháng 7 năm 2023	
8	1.8. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 85% trở lên.	2.8. Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính	3.12. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp; nâng cao năng lực của công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp 3.13. Triển khai, áp dụng các sáng kiến CCHC, mô hình CCHC có hiệu quả trong giải quyết TTHC của các ngành, các lĩnh vực trên toàn tỉnh 3.14. Công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ kịp thời 3.15. Tổ chức các lớp	Báo cáo; (Đề án/ Kế hoạch); Quyết định; Công văn; Các lớp tập huấn	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

			tập huấn liên quan đến nhiệm vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức tại Bộ phận một cửa các cấp					
9	1.9. Tối thiểu 70% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ	2.9. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC 2.10. Đẩy mạnh chứng thực điện tử 2.11. Kết nối chia sẻ các dữ liệu dùng chung đảm bảo an toàn thông tin, hiệu quả	3.16. Triển khai chứng thực điện tử 3.17. Kiểm tra danh tính số và thực hiện mở tài khoản danh tính số của người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVC Quốc gia 3.18. Thực hiện số hoá thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	- Chứng thực điện tử - Các dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ - Người dân được mở Tài khoản Danh tính số trên DVC QG. - Thành phần HS được số hoá; Kết quả giải quyết TTH được số hoá.	Bộ phận một cửa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin truyền thông	Thường xuyên	
10	1.10. Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, định kỳ về việc giải quyết TTHC của các cơ qua, đơn vị, địa phương	2.12. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kiểm tra hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND	3.19. Xây dựng kế hoạch, thông báo lịch kiểm tra	Kế hoạch, thông báo, biên bản kiểm tra	Văn phòng UBND tỉnh; Tổ công tác theo Quyết định số 2088/QĐ-UBND	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, UBND	Thường xuyên	

		tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh			ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh	cấp xã		
11	1.11. Tăng cường công tác đối thoại của lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp (phần đầu ít nhất từ 02 đến 03 cuộc trong năm)	2.13. Tổ chức các hội nghị đối thoại, diễn đàn	3.20. Xây dựng kế hoạch, phân công các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện đối thoại	Kế hoạch, giấy mời, thông báo	Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY							
1	1.1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng quy định.	2.1. Rà soát quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	3.1. Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị	Quyết định	Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Thường xuyên	
		2.2. Hướng dẫn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị cấp huyện	3.2. Ban hành Hướng dẫn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn cấp huyện; cho ý kiến đối với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các ĐVSN cấp huyện	Công văn	Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Thường xuyên	

2	1.2. Kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị	2.3. Rà soát, sắp xếp các tổ chức hành chính	3.3. Ban hành Quyết định kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị.	Quyết định	Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Thường xuyên	
		2.4. Thực hiện sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các ĐVSN theo Đề án đã được phê duyệt	3.4. Ban hành Quyết định kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị.	Quyết định	Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Thường xuyên	
		2.5. Rà soát, xây dựng phương án, đề án và tổ chức thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật. Thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố.	3.5. Xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật	Đề án/Nghị quyết	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện	Khi có chỉ đạo của Trung ương	
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ							
1	1.1. Phân đầu 6% cán bộ, công chức dưới 40 tuổi (gồm: lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện) giao tiếp được	2.1. Tuyên truyền, khuyến khích, hỗ trợ theo chính sách đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh; tập trung vào bồi dưỡng	3.1. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn cho CBCCVC;	Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Quý I/2023	
			3.2. Phối hợp mở lớp tập	Mở lớp tập	Sở Nội vụ	Các Sở,	Năm 2023	Theo

	với người nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ thông dụng khác	ngoại ngữ, kiến thức hội nhập quốc tế; cử cán bộ trẻ trong diện quy hoạch đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài theo những ngành tỉnh cần.	huấn, đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt, đồng bộ công tác đào tạo bồi dưỡng ngoại ngữ, kiến thức hội nhập quốc tế theo kế hoạch của tỉnh	huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch		ban, ngành, UBND cấp huyện		dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt
			3.3. Thực hiện các quy trình tuyển dụng, tiếp nhận; thu hút nhân lực chất lượng cao vào những vị trí việc làm yêu cầu thành thạo ngoại ngữ (theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP và chính sách của tỉnh)	Thu hút, tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu, yêu cầu vị trí việc làm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2023	Thực hiện theo quy định
			3.4. Cử cán bộ trẻ đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước	Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2023	
2	1.2. 85% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền)	2.2. Tuyên truyền, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	3.5. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn cho CBCC;	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2023	
		2.3. Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ	3.6. Phối hợp mở lớp đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt, đồng bộ công tác đào tạo bồi dưỡng dưỡng kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ theo vị trí việc	Mở lớp bồi dưỡng theo kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2023	Theo dự toán kinh phí được cấp có

		theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin	làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin.					thẩm quyền phê duyệt
3	1.3. Tăng cường thực hiện tuyển dụng công chức chất lượng cao theo quy định	2.4. Tổ chức xét tuyển công chức theo Nghị định số 140/2014/NĐ-CP	3.7. Ban hành Kế hoạch tuyển dụng 3.8. Tổ chức tuyển dụng 3.9. Quyết định tuyển dụng	Kế hoạch, Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2023	Theo dự toán kinh phí thực hiện do Sở Tài chính cấp (trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ)
4	1.4. Tiếp tục hoàn chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị theo quy định	2.5. Rà soát, hoàn chỉnh đề án vị trí việc làm một số cơ quan đơn vị đảm bảo quy định	3.10. Rà soát, thẩm định, cho ý kiến về các đề án vị trí việc làm theo thẩm quyền	Công văn, Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
5	1.5. Thực hiện tinh giản biên chế theo quy định	2.6. Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026	3.11. Xây dựng dự thảo, xin ý kiến các cơ quan đơn vị liên quan Tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành theo quy định	Công văn, Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2023	
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							
1	1.1. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự	2.1. Đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị sự	3.1. Đôn đốc, tập huấn, hướng dẫn	Văn bản	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn	Năm 2023	

	chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ giai đoạn 2023-2025.	<p>1.1. nghiệp xây dựng phương án tự chủ tài chính.</p> <p>2.2. Cho ý kiến về giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	3.2. Nghiên cứu phương án của đơn vị; Ban hành văn bản cho ý kiến	Văn bản		vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố			
2	1.2. Sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	2.3. Đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (nếu có).	3.3. Đơn đốc, hướng dẫn	Công văn		Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố			
		2.4. Đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt.	3.4. Đơn đốc, hướng dẫn	Công văn					
3	1.3. Giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3.	2.5. Đơn đốc các đơn vị xây dựng phương án tự chủ tài chính;	3.5. Đơn đốc, hướng dẫn	Công văn	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2023		
		2.6. Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu phí được để lại, kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nhằm nâng mức độ tự chủ của	3.6. Nghiên cứu phương án của đơn vị; ban hành văn bản cho ý kiến						
		3.7. Tham mưu văn bản							

		đơn vị, giám chỉ hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.						
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ							
A	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị							
1	1.1. 100% các sở, ban, ngành kết nối liên thông cơ sở dữ liệu quản lý ngành qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung LGSP; hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh	2.1. Hình thành Cổng dữ liệu dùng chung của tỉnh; kết nối CSDL các ngành	3.1. Triển khai thử nghiệm Cổng dữ liệu dùng chung của tỉnh (data.hatinh.gov.vn)	Cổng dữ liệu dùng chung của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	Năm 2023	Chưa sử dụng ngân sách
		2.2. Thực hiện kết nối các CSDL chuyên ngành vào nền tảng LGSP của tỉnh	3.2: Tổ chức vận hành có hiệu quả nền tảng LGSP của tỉnh; kết nối, tích hợp các CSDL chuyên ngành	Vận hành có hiệu quả nền tảng LGSP của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	Năm 2023	Theo kinh phí được cấp
		2.3. Triển khai hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II toàn tỉnh	3.3. Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đến các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh	Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đến các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	Năm 2023	Theo kinh phí được cấp
2	1.2. 80% báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến và	2.4. Tiếp tục triển khai thí điểm, vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin báo	3.4. Vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TTTT, các cơ quan liên quan	Năm 2023	Theo kinh phí được

	liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia	cáo của tỉnh		của tỉnh; triển khai báo cáo trực tuyến				cấp
3	1.3. Từng bước thực hiện hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	2.5. Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	3.5. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp thực hiện hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Văn bản	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	Thường xuyên	
			3.6. Tổ chức thực hiện thử nghiệm tại một số cơ quan	Thực hiện thử nghiệm công tác kiểm tra trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	Thường xuyên	
4	1.4. Triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia	2.6. Triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia	3.7. Triển khai hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia	Hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan liên quan	Năm 2023	Theo kinh phí được cấp
5	1.5. 80% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số đáp ứng yêu cầu hoạt động công vụ; 100% cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin được tập huấn, bồi	2.7. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp để ứng dụng vào hoạt động sản xuất, giao dịch trực tuyến	3.8. Nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp để ứng dụng vào hoạt động sản xuất, giao dịch trực tuyến	Các lớp đào tạo, tập huấn	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	

	đưỡng nâng cao về nhận thức, kỹ năng và nghiệp vụ quản lý và hoạt động chuyển đổi số.	2.8. Đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ chuyên trách CNTT các cấp của các cơ quan nhà nước trong tỉnh	3.9. Nâng cao năng lực, kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ chuyên trách CNTT các cấp của các cơ quan nhà nước trong tỉnh	Các lớp đào tạo, tập huấn	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	
6	1.6. Tuyên truyền, hướng dẫn và có các hoạt động hỗ trợ về chuyển đổi số đến trên 1000 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2.9. Tổ chức tuyên truyền đến mọi người dân, người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế về chuyển đổi số	3.10. Người dân, người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, từ đó tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh.	Các hình thức tuyên truyền	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	
7	1.7. 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, trong đó tối thiểu 80% DVC TT toàn trình đồng bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia; 80% DVC TT toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến; 60% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tiếp nhận và thụ lý trực tuyến	2.10. Thường xuyên đôn đốc các cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện các quy định, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng DVCTT toàn trình	3.11. Đôn đốc các cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện các quy định, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng DVCTT toàn trình	Các văn bản liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông	VP UBND tỉnh	Thường xuyên	
		2.11. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp quả khai thác, sử dụng DVCTT toàn trình	3.12. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp quả khai thác, sử dụng DVCTT toàn trình	Các hình thức tuyên truyền, hướng dẫn	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan cung cấp DVC trực tuyến	Các cơ quan liên quan	Thường xuyên	
		2.12. Triển khai rộng rãi ứng dụng các nền	3.13. Triển khai các nền tảng thanh toán không	Các hình thức thanh toán	Ngân hàng nhà nước -	Sở Thông tin và	Thường xuyên	

		tăng thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó có thanh toán phí, lệ phí giải quyết TTHC	dùng tiền mặt một cách rộng rãi đến mọi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	không dùng tiền mặt	Chi nhánh Hà Tĩnh	Truyền thông, VP UBND tỉnh, các cơ quan liên quan		
8	1.8. 100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	2.13. Tổ chức đơn đốc, hướng dẫn các cơ quan xây dựng và phê duyệt hồ sơ cấp độ đối với các hệ thống thông tin	3.14. Đơn đốc, hướng dẫn các cơ quan xây dựng và phê duyệt hồ sơ cấp độ đối với các hệ thống thông tin	Hồ sơ đề xuất cấp độ; các văn bản liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin	Các cơ quan liên quan	Quý I/2023	
		2.14. Đảm bảo An toàn thông tin cho các hệ thống thông tin cấp độ 3 của tỉnh	3.15. Bổ sung trang thiết bị, quy trình, nghiệp vụ đảm bảo An toàn thông tin cho các hệ thống thông tin cấp độ 3 của tỉnh	Bảo đảm cho các hạ tầng TT của tỉnh đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, quy định về trang thiết bị, quy trình, nghiệp vụ ATTT theo cấp độ 3	Các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin cấp độ 3	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Kinh phí của các đơn vị
		2.15. Triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp và hệ thống phòng, chống mã độc tập trung	3.16. Triển khai các nội dung về bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp và hệ thống phòng, chống mã độc tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống tập trung	Bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp và hệ thống phòng, chống mã độc tập trung,	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan đơn vị liên quan	Quý III/2023	

			tỉnh Hà Tĩnh	kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống tập trung tỉnh Hà Tĩnh				
B	Áp dụng ISO trong hoạt động nội bộ của đơn vị							
1	1.1. 100% cơ quan, đơn vị duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015	2.1. Duy trì và cải tiến hệ thống tại các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn.	3.1. Áp dụng hệ thống theo các điều khoản tiêu chuẩn, thực hiện theo các quy trình, hướng dẫn, quy định.	375 cơ quan, đơn vị (32 CQHCNN cấp tỉnh, huyện; 12 cơ quan cấp II; 216 xã; 38 đơn vị sự nghiệp công lập; 13 bệnh viện công lập, 15 trường THPT; 36 trường THCS; 13 Trung tâm Y tế cấp huyện)	Các cơ quan, đơn vị áp dụng	Sở Khoa học và Công nghệ.	Năm 2023	
2	1.2. 15% đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện hoàn thành xây dựng và áp dụng hệ thống trong năm 2023	2.2. Xây dựng mới hệ thống tại các bệnh viện công lập, Trung tâm Ứng dụng khoa	3.2. Triển khai xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống tại các đơn vị	13 Trung tâm Ứng dụng khoa học kỹ thuật	UBND cấp huyện	Các trung tâm và đơn vị tư vấn	Năm 2023	

		học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng vật nuôi cấp huyện.		và Bảo vệ cây trồng vật nuôi cấp huyện				
3	1.3. Xây dựng và áp dụng hệ thống tại 62,5% Trường Trung học phổ thông công lập; 45% Trường Trung học cơ sở công lập	2.3. Xây dựng mới hệ thống tại các Trường THPT, Trường THCS trên địa bàn	3.3. Triển khai xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống tại các đơn vị	25 trường Trung học phổ thông; 66 trường Trung học cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở GD&ĐT triển khai tại các trường THPT; UBND cấp huyện chủ trì thực hiện tại các Trường THCS.	Sở Giáo dục và Đào tạo; các trường; đơn vị tư vấn	Năm 2023	
4	1.4. 100% Quyết định công bố Danh mục, quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, xã do UBND tỉnh ban hành được thẩm định đáp ứng yêu cầu	2.4. Thẩm định Danh mục và quy trình nội bộ theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa về thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự thực hiện đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ	3.4. Thực hiện việc kiểm tra soát xét các dự thảo Quyết định công bố, Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã trình UBND tỉnh công bố	Quyết định công bố danh mục và quy trình nội bộ TTHC của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành liên quan.	Năm 2023	

		thực hiện đặc biệt các thủ tục thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư và các TTHC thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất gia dịch lớn						
5	1.5. Xây dựng quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan HCNN cấp tỉnh, huyện đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015, điện tử hóa 30% số quy trình đã xây dựng.	2.5. Tổ chức xây dựng quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan. Điện tử hóa 30% quy trình đã xây dựng.	3.5. Tổ chức triển khai xây dựng thành quy trình nội bộ	Các quy trình nội bộ dùng chung.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị.	Năm 2023	
6	1.6. Thí điểm xây dựng và áp dụng hệ thống ISO điện tử tại 05 cơ quan hành chính nhà nước.	2.6. Tổ chức xây dựng và áp dụng ISO điện tử tại 05 cơ quan hành chính nhà nước.	3.6. Lựa chọn đơn vị, tổ chức xây dựng 05 mô hình điểm áp dụng ISO điện tử.	05 cơ quan áp dụng hệ thống ISO điện tử	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị.	Năm 2023	
7	1.7. Xây dựng mở rộng hệ thống quản lý chất lượng tại 25% UBND xã đạt chuẩn Nông thôn mới	2.7. Tổ chức rà soát đánh giá hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý, triển khai xây dựng và áp dụng mở rộng hệ thống tại các UBND cấp xã, đặc biệt chú trọng xây dựng và áp dụng quy	3.7. Thực hiện rà soát chuẩn hóa lại hệ thống đồng thời xây dựng mở rộng áp dụng đối với các hoạt động nội bộ thực hiện điều hành tác nghiệp và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn UBND cấp xã đạt	Triển khai xây dựng mở rộng tại 25 UBND cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới.	Sở Khoa học và Công nghệ	các UBND cấp xã đạt chuẩn NTM, đơn vị tư vấn	Năm 2023	

		trình nội bộ thực hiện điều hành tác nghiệp và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn.	chuẩn Nông thôn mới					
8	1.8. Đảm bảo 25% các cơ quan đơn vị áp dụng HTQLCL được kiểm tra, đánh giá trong năm	2.8. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị	3.8 Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá tại các đơn vị đã xây dựng	100 đơn vị được kiểm tra	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị	Năm 2023	
9	1.9. Đảm bảo cán bộ lãnh đạo, cán bộ đầu mối 40% các cơ quan được tập huấn, đào tạo nghiệp vụ về ISO hành chính	2.9. Tổ chức đào tạo/tập huấn nghiệp vụ về ISO hành chính	3.9. Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo.	5 lớp đào tạo, tập huấn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức đào tạo, chứng nhận hệ thống	Năm 2023	